

DANH SÁCH
CƠ SỞ ĐÀO TẠO CHỨNG CHỈ KỸ THUẬT CHUYÊN MÔN KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 96/2023/NĐ-CP NGÀY 30 THÁNG 12 NĂM 2023 CỦA CHÍNH PHỦ
(Cập nhật đến ngày 07 tháng 05 năm 2026)

| TT | Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Địa chỉ | Tên chương trình | Đối tượng | Thời lượng |
|----|--------------------------------|---|---|---------------|------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| 01 | Bệnh viện Nhân dân 115 | Số 527 đường Sư Vạn Hạnh Phường 12, Quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh | 1. Thận nhân tạo (Thông báo số 3247/BVND115-ĐVĐT ngày 18 tháng 10 năm 2024) | Bác sĩ y khoa | 960 tiết |
| | | | 2. Điện não đồ (Thông báo số 3245/BVND115-ĐVĐT ngày 18 tháng 10 năm 2024) | Bác sĩ y khoa | 960 tiết |
| | | | 3. Điện cơ trong thực hành lâm sàng (Thông báo số 3246/BVND115-ĐVĐT ngày 18 tháng 10 năm 2024) | Bác sĩ y khoa | 960 tiết |
| | | | 4. Chụp và can thiệp mạch máu não (Thông báo số 3329/BVND115-ĐVĐT ngày 28 tháng 10 năm 2024) | Bác sĩ y khoa | 960 tiết |
| | | | 5. Lọc màng bụng (Thông báo số 3360/BVND115-ĐVĐT ngày 31 tháng 10 năm 2024) | Bác sĩ y khoa | 960 tiết |

| TT | Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Địa chỉ | Tên chương trình | Đối tượng | Thời lượng |
|-----------|---------------------------------------|---|--|--------------------|-------------------|
| <i>1</i> | <i>2</i> | <i>3</i> | <i>4</i> | <i>5</i> | <i>6</i> |
| 01 | Bệnh viện Nhân dân 115 | Số 527 đường Sư Vạn Hạnh Phường 12, Quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh | 6. Phẫu thuật nối thông động – tĩnh mạch trong chạy thận nhân tạo FAV (Thông báo số 3328/BVND115-ĐVĐT ngày 28 tháng 10 năm 2024) | Bác sĩ y khoa | 960 tiết |
| | | | 7. Lọc máu ngoài cơ thể (Thông báo số 3389/BVND115-ĐVĐT ngày 04 tháng 11 năm 2024) | Bác sĩ y khoa | 960 tiết |
| | | | 8. Điều trị và dự phòng tai biến mạch máu não (Thông báo số 3319/BVND115-ĐVĐT ngày 25 tháng 10 năm 2024) | Bác sĩ y khoa | 960 tiết |
| | | | 9. Thận nhân tạo (Thông báo số 3379/BVND115-ĐVĐT ngày 01 tháng 11 năm 2024) | Điều dưỡng đa khoa | 03 tháng |
| | | | 10. Lọc màng bụng (Thông báo số 3359/BVND115-ĐVĐT ngày 31 tháng 10 năm 2024) | | |
| | | | 11. Lọc máu ngoài cơ thể (Thông báo số 3390/BVND115-ĐVĐT ngày 04 tháng 11 năm 2024) | Điều dưỡng đa khoa | 960 tiết |
| | | | 12. Điện tâm đồ (Thông báo số 3350/BVND115-ĐVĐT ngày 30 tháng 10 năm 2024) | Bác sĩ y khoa | 960 tiết |

| TT | Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Địa chỉ | Tên chương trình | Đối tượng | Thời lượng |
|-----------|---------------------------------------|--|---|--|-------------------|
| <i>1</i> | <i>2</i> | <i>3</i> | <i>4</i> | <i>5</i> | <i>6</i> |
| 01 | Bệnh viện Nhân dân 115 | Số 527 đường Sur Vạn Hạnh Phường 12, Quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh | 13. Kỹ thuật ghi điện cơ (Thông báo số 3283/BVND115-ĐVĐT ngày 23 tháng 12 năm 2024) | Điều dưỡng đa khoa | 03 tháng |
| | | | 14. Kỹ thuật ghi điện não đồ (Thông báo số 3284/BVND115-ĐVĐT ngày 23 tháng 12 năm 2024) | Điều dưỡng đa khoa; Kỹ thuật viên | 03 tháng |
| | | | 15. Nội soi tiêu hóa cơ bản (Thông báo số 592/BVND115-ĐVĐT ngày 11 tháng 03 năm 2025) | Bác sĩ y khoa đã có GPHN Đa khoa, Nội TQ, Ngoại khoa, Ngoại TQ, Tiêu hóa | 960 tiết |
| | | | 16. Nội soi tiêu hóa nâng cao (Thông báo số 593/BVND115-ĐVĐT ngày 11 tháng 03 năm 2025) | Bác sĩ y khoa đã có GPHN và chứng chỉ nội soi cơ bản | 03 tháng |
| | | | 17. Điều dưỡng dụng cụ nội soi tiêu hóa (Thông báo số 594/BVND115-ĐVĐT ngày 11 tháng 03 năm 2025) | Điều dưỡng đa khoa trình độ cao đẳng trở lên, đã có GPHN | 03 tháng |

| TT | Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Địa chỉ | Tên chương trình | Đối tượng | Thời lượng |
|-----------|---------------------------------------|--|--|--|-------------------|
| <i>1</i> | <i>2</i> | <i>3</i> | <i>4</i> | <i>5</i> | <i>6</i> |
| 02 | Bệnh viện Nhân dân Gia Định | Số 01 đường Nơ Trang Long, Phường 7, quận Bình Thạnh Thành phố Hồ Chí Minh | 1. Siêu âm tim thực hành 2. Tim mạch can thiệp (Thông báo số 851/TB-BVNDGD ngày 22 tháng 3 năm 2024) | Bác sĩ y khoa | 960 tiết |
| | | | 3. Chăm sóc Nhi – Sơ sinh cơ bản (Thông báo số 851/TB-BVNDGD ngày 22 tháng 3 năm 2024) | Điều dưỡng, Hộ sinh | 03 tháng |
| | | | 4. Siêu âm sản phụ khoa cơ bản (Thông báo số 851/TB-BVNDGD ngày 22 tháng 3 năm 2024) | Bác sĩ sản phụ khoa Bác sĩ chẩn đoán hình ảnh | 960 tiết |
| | | | 5. Thực hành soi cổ tử cung cơ bản đến nâng cao (Thông báo số 851/TB-BVNDGD ngày 22 tháng 3 năm 2024) | Bác sĩ sản phụ khoa | 03 tháng |
| 03 | Bệnh viện Từ Dũ | Số 284 đường Cống Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM | 1. Chuyên viên Lab hỗ trợ sinh sản (Thông báo số 3043/TB-BVTD ngày 20 tháng 11 năm 2024) | Kỹ thuật viên xét nghiệm; CN sinh học; CN.CNSH; Bác sĩ làm việc trong lĩnh vực Lab hỗ trợ sinh sản. | 03 tháng |

| TT | Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Địa chỉ | Tên chương trình | Đối tượng | Thời lượng |
|-----------|---------------------------------------|--|--|---|-------------------|
| <i>1</i> | <i>2</i> | <i>3</i> | <i>4</i> | <i>5</i> | <i>6</i> |
| 03 | Bệnh viện Từ Dũ | Số 284 đường Cống Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM | 2. Phẫu thuật lấy thai cơ bản 3. Phẫu thuật lấy thai nâng cao 4. Mổ lấy thai các trường hợp nhau cài răng lược 5. Phẫu thuật nội soi phụ khoa cơ bản 6. Phẫu thuật nội soi cắt tử cung 7. Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung 8. Phẫu thuật nội soi buồng tử cung (Thông báo số 3043/TB-BVTD ngày 20 tháng 11 năm 2024) | Bác sĩ sản phụ khoa | 03 tháng |
| | | | 9. Sơ sinh cơ bản (Thông báo số 3043/TB-BVTD ngày 20 tháng 11 năm 2024) | Bác sĩ đa khoa công tác tại khoa Sản, khoa Sơ sinh | 03 tháng |
| | | | 10. Thực hành lâm sàng hỗ trợ sinh sản (Thông báo số 3043/TB-BVTD ngày 20 tháng 11 năm 2024) | Bác sĩ sản phụ khoa, có chứng chỉ siêu âm sản phụ khoa cơ bản | 960 tiết |
| | | | 11. Siêu âm tiền sản (Thông báo số 3043/TB-BVTD ngày 20 tháng 11 năm 2024) | Bác sĩ sản phụ khoa; Bác sĩ chẩn đoán hình ảnh | 03 tháng |

| TT | Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Địa chỉ | Tên chương trình | Đối tượng | Thời lượng |
|-----------|---------------------------------------|--|---|---|-------------------|
| <i>1</i> | <i>2</i> | <i>3</i> | <i>4</i> | <i>5</i> | <i>6</i> |
| 03 | Bệnh viện Từ Dũ | Số 284 đường Cống Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM | 12. Thực hành siêu âm sản phụ khoa (công bố lần 2) (Thông báo số 1200/TB-BVTD ngày 20 tháng 5 năm 2025) | Bác sĩ sản phụ khoa; Bác sĩ chẩn đoán hình ảnh; Bác sĩ đa khoa công tác trong lĩnh vực sản phụ khoa, chẩn đoán hình ảnh | 960 tiết |
| | | | 13. Siêu âm mô phỏng hình thái học 3 tháng đầu, 3 tháng giữa, 3 tháng cuối thai kỳ (Thông báo số 641/TB-BVTD ngày 24 tháng 03 năm 2025) | Bác sĩ sản phụ khoa có chứng chỉ siêu âm sản phụ khoa cơ bản hoặc thực hành siêu âm sản phụ khoa; Bác sĩ chẩn đoán hình ảnh | 480 tiết |
| | | | 14. Nong và gấp thai cơ bản (Thông báo số 641/TB-BVTD ngày 24 tháng 03 năm 2025) | Bác sĩ sản phụ khoa | 480 tiết |
| | | | 15. Thực hành soi cổ tử cung (Thông báo số 1200/TB-BVTD ngày 20 tháng 5 năm 2025) | Bác sĩ sản phụ khoa; Bác sĩ đa khoa công tác trong lĩnh vực sản phụ khoa | 480 tiết |

| TT | Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Địa chỉ | Tên chương trình | Đối tượng | Thời lượng |
|-----------|---------------------------------------|---|---|--|-------------------|
| <i>1</i> | <i>2</i> | <i>3</i> | <i>4</i> | <i>5</i> | <i>6</i> |
| 03 | Bệnh viện Từ Dũ | Số 284 đường Cống Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM | 16. Tế bào học cổ tử cung (Thông báo số 1200/TB-BVTD ngày 20 tháng 5 năm 2025) | Kỹ thuật y xét nghiệm; Bác sĩ chuyên khoa xét nghiệm, giải phẫu bệnh; Bác sĩ đa khoa làm trong lĩnh vực xét nghiệm | 480 tiết |
| 04 | Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch | Số 120 đường Hồng Bàng, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh | 1. Chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh lao (Thông báo số 2760/PNT-KHTH ngày 27 tháng 11 năm 2024) | Bác sĩ đa khoa đã có GPHN đang công tác tại khoa Nội, Nhiễm, Nhi, phòng khám và Trung tâm Y tế | 960 tiết |
| | | | 2. Phẫu thuật Nội soi lồng ngực (Thông báo số 1702/KH-PNT ngày 14 tháng 7 năm 2025) | Bác sĩ có GPHN chuyên khoa Ngoại | 960 tiết |
| | | | 3. Thủ thuật chẩn đoán và điều trị cho bệnh lý phổi, màng phổi và trung thất (Thông báo số 2795/KH-PNT ngày 05 tháng 11 năm 2025) | Bác sĩ có GPHN chuyên khoa Nội tổng hợp; Nội hô hấp; Lao và bệnh phổi; Ngoại khoa; Ngoại lồng ngực; Ung bướu | 960 tiết |

| TT | Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Địa chỉ | Tên chương trình | Đối tượng | Thời lượng |
|-----------|---------------------------------------|--|--|--|-------------------|
| <i>1</i> | <i>2</i> | <i>3</i> | <i>4</i> | <i>5</i> | <i>6</i> |
| 04 | Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch | Số 120 đường Hồng Bàng, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh | 4. Nội soi phế quản cơ bản (Thông báo số 3384/KH-PNT ngày 31 tháng 12 năm 2025) | Bác sĩ có GPHN chuyên khoa Nội tổng hợp; Nội hô hấp; Lao và bệnh phổi; Ngoại khoa; Ngoại lồng ngực; Ung bướu; HSCC; Y khoa | 960 tiết |
| | | | 5. Phụ nội soi phế quản và xử lý dụng cụ nội soi chẩn đoán (Thông báo số 3384/KH-PNT ngày 31 tháng 12 năm 2025) | Điều dưỡng; Kỹ thuật y Chẩn đoán hình ảnh có GPHN | 480 tiết |
| 05 | Bệnh viện Mắt | Số 280 đường Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh | 1. Phẫu thuật Dịch kính võng mạc (Thông báo số 1710/TB-BVM ngày 03 tháng 12 năm 2024) 2. Phẫu thuật nối thông túi lệ mũi đường ngoài (Thông báo số 1708/TB-BVM ngày 03 tháng 12 năm 2024) 3. Tiêm Botulinum Toxin trong nhãn khoa (Thông báo số 1711/TB-BVM ngày 03 tháng 12 năm 2024) | Bác sĩ đa khoa có giấy phép hành nghề chuyên khoa Mắt | 960 tiết |

| TT | Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Địa chỉ | Tên chương trình | Đối tượng | Thời lượng |
|-----------|---------------------------------------|--|---|--|-------------------|
| <i>1</i> | <i>2</i> | <i>3</i> | <i>4</i> | <i>5</i> | <i>6</i> |
| 05 | Bệnh viện Mắt | Số 280 đường Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh | 4. Thủ thuật tiêm nội nhãn (Thông báo số 1707/TB-BVM ngày 03 tháng 12 năm 2024) 5. Phẫu thuật nối lệ quản đứt sau chấn thương (Thông báo số 1709/TB-BVM ngày 03 tháng 12 năm 2024) | Bác sĩ đa khoa có giấy phép hành nghề chuyên khoa Mắt | 960 tiết |
| | | | 6. Các kỹ thuật chăm sóc mắt cơ bản thường gặp (Thông báo số 1709/TB-BVM ngày 03 tháng 12 năm 2024) | Điều dưỡng đa khoa có trình độ từ cao đẳng trở lên | 960 tiết |
| | | | 7. Chẩn đoán và điều trị lệ cơ bản (Thông báo số 1893/TB-BVM ngày 26 tháng 12 năm 2024) | Bác sĩ đa khoa có GPHN chuyên khoa Mắt | 960 tiết |
| | | | 8. Phẫu thuật cơ bản một số bệnh lý mi mắt và lệ đạo bẩm sinh (Thông báo số 1892/TB-BVM ngày 26 tháng 12 năm 2024) | Bác sĩ đa khoa tốt nghiệp CKI, CKII, Thạc sĩ chuyên ngành Nhân khoa và có GPHN chuyên khoa Mắt | 960 tiết |

| TT | Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Địa chỉ | Tên chương trình | Đối tượng | Thời lượng |
|-----------|---------------------------------------|--|--|---|-------------------|
| <i>1</i> | <i>2</i> | <i>3</i> | <i>4</i> | <i>5</i> | <i>6</i> |
| 05 | Bệnh viện Mắt | Số 280 đường Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh | 9. Các Kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh và thăm dò chức năng nhãn khoa cơ bản (Thông báo số 1566/TB-BVM ngày 08 tháng 7 năm 2025) | Bác sĩ đa khoa có GPHN chuyên khoa Mắt | 960 tiết |
| | | | 10. Phẫu thuật LASER điều trị tật khúc xạ (Thông báo số 1567/TB-BVM ngày 08 tháng 7 năm 2025) | Bác sĩ đa khoa có GPHN chuyên khoa Mắt | 960 tiết |
| | | | 11. Các phương pháp vô cảm trong phẫu thuật mắt (Thông báo số 2369/TB-BVM ngày 07 tháng 10 năm 2025) | Bác sĩ đa khoa có chứng chỉ hành nghề hoặc GPHN | 960 tiết |
| | | | 12. Các phương pháp phẫu thuật bệnh lý bề mặt nhãn cầu và cách xử lý biến chứng (Thông báo số 2370/TB-BVM ngày 07 tháng 10 năm 2025) | Bác sĩ chuyên khoa Mắt có chứng chỉ hành nghề hoặc GPHN | 960 tiết |
| | | | 13. Thực hành vô cảm trong phẫu thuật mắt (Thông báo số 2368/TB-BVM ngày 07 tháng 10 năm 2025) | Điều dưỡng, Kỹ thuật y gây mê hồi sức có CCHN/GPHN | 960 tiết |
| | | | 14. Các kỹ thuật đo khám tật khúc xạ (Thông báo số 305/TB-BVM ngày 29 tháng 01 năm 2026) | Bác sĩ chuyên khoa Mắt có CCHN hoặc GPHN | 960 tiết |

| TT | Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Địa chỉ | Tên chương trình | Đối tượng | Thời lượng |
|-----------|---------------------------------------|--|--|--|-------------------|
| <i>1</i> | <i>2</i> | <i>3</i> | <i>4</i> | <i>5</i> | <i>6</i> |
| 05 | Bệnh viện Mắt | Số 280 đường Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh | 15. Kỹ thuật viên khúc xạ dành cho Điều dưỡng (Thông báo số 407/TB-BVM ngày 09 tháng 02 năm 2026) | Điều dưỡng có CCHN/GPHN | 960 tiết |
| 06 | Bệnh viện Nhi Đồng 1 | Số 341 đường Sư Vạn Hạnh, Phường Vườn Lài, Thành phố Hồ Chí Minh | 1. Siêu âm Nhi khoa thực hành (Thông báo số 08/TB-BVND1 ngày 06 tháng 01 năm 2025) | Bác sĩ đa khoa | 960 tiết |
| | | | 2. Thực hành Gây mê hồi sức Nhi khoa cơ bản và nâng cao (Thông báo số 08/TB-BVND1 ngày 06 tháng 01 năm 2025) | Bác sĩ đa khoa, Kỹ thuật viên công tác trong lĩnh vực gây mê hồi sức | 960 tiết |
| | | | 3. Thính học và Âm ngữ trị liệu Nhi khoa (Thông báo số 08/TB-BVND1 ngày 06 tháng 01 năm 2025) | Bác sĩ; Kỹ thuật viên; Điều dưỡng có trình độ cao đẳng trở lên; chuyên viên thính học, âm ngữ trị liệu | 480 tiết |
| | | | 4. Siêu âm tim thai (Thông báo số 583/TB-BVND1 ngày 07 tháng 08 năm 2025) | Bác sĩ đa khoa, Nhi khoa, Sản phụ khoa | 960 tiết |

| TT | Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Địa chỉ | Tên chương trình | Đối tượng | Thời lượng |
|-----------|---------------------------------------|--|--|---|-------------------|
| <i>1</i> | <i>2</i> | <i>3</i> | <i>4</i> | <i>5</i> | <i>6</i> |
| 06 | Bệnh viện Nhi Đồng 1 | Số 341 đường Sư Vạn Hạnh, Phường Vườn Lài, Thành phố Hồ Chí Minh | 5. Khám sàng lọc và Điều trị bệnh lý vông mạc trẻ sinh non (Thông báo số 271/TB-BVNĐ1 ngày 13 tháng 04 năm 2025) | Bác sĩ đa khoa, Nhãn khoa đang công tác trong lĩnh vực Nhãn nhi | 960 tiết |
| | | | 6. Phẫu thuật tiết niệu, Sinh dục nhi cơ bản (Thông báo số 272/TB-BVNĐ1 ngày 13 tháng 04 năm 2025) | Bác sĩ Ngoại khoa có CCHN hoặc GPHN | 960 tiết |
| | | | 7. Chẩn đoán hình ảnh Nhi khoa (Thông báo số 270/TB-BVNĐ1 ngày 13 tháng 04 năm 2025) | Bác sĩ đa khoa, Nhi khoa, Chẩn đoán hình ảnh đã có CCHN hoặc GPHN | 960 tiết |
| 07 | Viện Y dược học dân tộc | Số 273-275 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 10, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh | 1. Điều trị bằng phương pháp Cây chỉ - Thủy châm | Bác sĩ Y học cổ truyền | 960 tiết |
| | | | 2. Xoa bóp bấm huyệt (Thông báo số 769/TB-VYDHDT ngày 17 tháng 04 năm 2025) | Bác sĩ Y học cổ truyền; Y sĩ YHCT; Cử nhân Điều dưỡng | 960 tiết |
| | | | 3. Nội soi hậu môn ống cứng can thiệp – Tiêm xơ búi trĩ (Thông báo số 770/TB-VYDHDT ngày 17 tháng 04 năm 2025) | Bác sĩ YHCT; Bác sĩ y khoa; Bác sĩ Ngoại khoa. | 960 tiết |

| TT | Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Địa chỉ | Tên chương trình | Đối tượng | Thời lượng |
|-----------|---------------------------------------|--|---|---|-------------------|
| <i>1</i> | <i>2</i> | <i>3</i> | <i>4</i> | <i>5</i> | <i>6</i> |
| 07 | Viện Y dược học dân tộc | Số 273-275 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 10, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh | 4. “25 Kỹ thuật y học cổ truyền và Phục hồi chức năng cơ bản cho điều dưỡng” (Thông báo số 110/TB-VYDHTD ngày 02 tháng 03 năm 2026) | Điều dưỡng từ trình độ đại học trở lên đã có Giấy phép hành nghề | 480 tiết |
| 08 | Bệnh viện Hùng Vương | Số 128 đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 5 TP. Hồ Chí Minh | 1. Siêu âm thực hành sản phụ khoa (Thông báo số 4394/TB-BVHV ngày 05 tháng 8 năm 2024) | Bác sĩ y khoa; Bác sĩ chuyên khoa sản phụ khoa; Bác sĩ chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh | 720 tiết |
| | | | 2. Xét nghiệm di truyền tế bào nhiễm sắc thể đồ (KARYOTYPE) (Thông báo số 1164/TB-BVHV ngày 03 tháng 3 năm 2024) | Nhân viên y tế chuyên trách xét nghiệm; Cử nhân sinh học; Cử nhân Công nghệ sinh học | 346 tiết |
| | | | 3. Kỹ thuật bơm tinh trùng vào buồng trứng tử cung dành cho bác sĩ lâm sàng (Thông báo số 1164/TB-BVHV ngày 03 tháng 3 năm 2024) | Bác sĩ sản phụ khoa | 132 tiết |
| | | | 4. Đánh giá và lựa chọn phương pháp chuẩn bị tinh trùng trong IUI (Thông báo số 1164/TB-BVHV ngày 03 tháng 3 năm 2024) | Bác sĩ chuyên ngành hiếm muộn; Cử nhân Xét nghiệm; CN. CNSH | 320 tiết |

| TT | Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Địa chỉ | Tên chương trình | Đối tượng | Thời lượng |
|-----------|--|--|--|---|-------------------|
| <i>1</i> | <i>2</i> | <i>3</i> | <i>4</i> | <i>5</i> | <i>6</i> |
| 09 | Bệnh viện Đa khoa Mỹ Đức | Số 04 đường Núi Thành, Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh | 1. Kiến thức và kỹ năng cơ bản về hỗ trợ sinh sản trong lâm sàng (Thông báo số 05/2025/TB-BVMĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025) | Bác sĩ sản phụ khoa | 478 tiết |
| | | | 2. Kiến thức và kỹ năng cơ bản về hỗ trợ sinh sản trong Labo (Thông báo số 05/2025/TB-BVMĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025) | Bác sĩ sản phụ khoa; chuyên viên phối học | 472 tiết |
| 10 | Bệnh viện Tâm thần Thành phố Hồ Chí Minh | Số 766 đường Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh | Tâm thần học cơ bản (Thông báo số 765/TB-BVTT ngày 24 tháng 6 năm 2025) | Y sĩ đa khoa; Bác sĩ Y học dự phòng có GPHN; Bác sĩ đa khoa có GPHN y khoa, Nội khoa. | 480 tiết |
| 11 | Viện Nghiên cứu Tâm Anh thuộc Bệnh viện Đa khoa Tâm Anh TP.HCM | Số 2B đường Phở Quang, phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh | 1. Nội soi tiêu hóa cơ bản. (Thông báo số 78/2025/TB-TAMRI ngày 22 tháng 7 năm 2025) | Bác sĩ đa khoa đã có GPHN | 432 tiết |
| | | | 2. Nội soi đại tràng (Thông báo số 78/2025/TB-TAMRI ngày 22 tháng 7 năm 2025) | Bác sĩ đa khoa đã có GPHN và chứng chỉ nội soi tiêu hóa trên | 302 tiết |

| TT | Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Địa chỉ | Tên chương trình | Đối tượng | Thời lượng |
|-----------|--|--|---|--|-------------------|
| <i>1</i> | <i>2</i> | <i>3</i> | <i>4</i> | <i>5</i> | <i>6</i> |
| 11 | Viện Nghiên cứu Tâm Anh thuộc Bệnh viện Đa khoa Tâm Anh TP.HCM | Số 2B đường Phở Quang, phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh | 3. Nội soi tiêu hóa điều trị. (Thông báo số 78/2025/TB-TAMRI ngày 22 tháng 7 năm 2025) | Bác sĩ đa khoa đã có GPHN và chứng chỉ nội soi tiêu hóa cơ bản | 282 tiết |
| | | | 4. Siêu âm tim qua thực quản (Thông báo số 118/2025/TB-TAMRI ngày 30 tháng 9 năm 2025) | Bác sĩ y khoa có GPHN và chứng chỉ siêu âm tim cơ bản | 325 tiết |
| | | | 5. Phẫu thuật nội soi ổ bụng căn bản (Thông báo số 118/2025/TB-TAMRI ngày 30 tháng 9 năm 2025) | Bác sĩ chuyên khoa Ngoại; Bác sĩ y khoa có GPHN và chứng chỉ định hướng ngoại tiêu hóa hoặc ngoại tổng quát | 330 tiết |
| | | | 6. Kỹ thuật tiêm khớp – tiêm mô quanh gân (Thông báo số 118/2025/TB-TAMRI ngày 30 tháng 9 năm 2025) | Bác sĩ y khoa, YHCT có GPHN; và có GXN của cơ quan đang công tác thuộc một trong các chuyên khoa: CTCH, Nội cơ xương khớp, cấp cứu, phục hồi chức năng | 48 tiết |

| TT | Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Địa chỉ | Tên chương trình | Đối tượng | Thời lượng |
|-----------|--|--|---|---|-------------------|
| <i>1</i> | <i>2</i> | <i>3</i> | <i>4</i> | <i>5</i> | <i>6</i> |
| 11 | Viện Nghiên cứu Tâm Anh thuộc Bệnh viện Đa khoa Tâm Anh TP.HCM | Số 2B đường Phở Quang, phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh | 7. Điều dưỡng dụng cụ phòng mổ (Thông báo số 118/2025/TB-TAMRI ngày 30 tháng 9 năm 2025) | Điều dưỡng | 480 tiết |
| | | | 8. Thận nhân tạo (Thông báo số 23/2026/TB-TAMRI ngày 21 tháng 01 năm 2026) | Bác sĩ có GPHN Nội khoa; HSCC | 960 tiết |
| | | | 9. Điều dưỡng Nội soi tiêu hóa 10. Điều dưỡng Nhi khoa cơ bản (Thông báo số 23/2026/TB-TAMRI ngày 21 tháng 01 năm 2026) | Điều dưỡng trình độ Đại học có Giấy phép hành nghề | 480 tiết |
| | | | 11. Điều dưỡng thận nhân tạo (Thông báo số 23/2026/TB-TAMRI ngày 21 tháng 01 năm 2026) | Điều dưỡng trình độ Đại học có Giấy phép hành nghề | 960 tiết |
| 12 | Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới | Số 764 đường Võ Văn Kiệt, Phường Chợ Quán, Thành phố Hồ Chí Minh | Điều trị và chăm sóc nhiễm HIV/AIDS (Thông báo số 2464/TB-BVBNĐ ngày 02 tháng 7 năm 2025) | Bác sĩ có GPHN bác sĩ y khoa, đa khoa hoặc chuyên khoa Nội, Nhiễm, Nhi, BSGĐ, bác sĩ Y học dự phòng | 480 tiết |

| TT | Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Địa chỉ | Tên chương trình | Đối tượng | Thời lượng |
|-----------|--|--|--|--|-------------------|
| <i>1</i> | <i>2</i> | <i>3</i> | <i>4</i> | <i>5</i> | <i>6</i> |
| 13 | Bệnh viện Phục hồi chức năng – Điều trị Bệnh nghề nghiệp | Số 313 đường Âu Dương Lân, Phường Chánh Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh | Laser công suất thấp nội mạch (Thông báo số 1563/BVPHCN-ĐT&CDT ngày 27 tháng 8 năm 2025) | Bác sĩ đa khoa, Bác sĩ Y học cổ truyền, Kỹ thuật y Vật lý trị liệu - PHCN | 60 tiết |
| 14 | Bệnh viện Răng Hàm Mặt | Số 263-265 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh | Phẫu thuật hàm mặt cơ bản (Thông báo số 936/TB-BVRHM ngày 09 tháng 7 năm 2025) | Bác sĩ Răng Hàm Mặt có GPHN | 1.030 tiết |
| 15 | Bệnh viện Da liễu | Số 02 đường Nguyễn Thông, phường Xuân Hòa, TP.HCM | 1. Ứng dụng laser và ánh sáng trong da liễu (Thông báo số 1865/TB-BVDL ngày 19 tháng 9 năm 2025) | Bác sĩ y khoa có giấy phép hành nghề | 446 tiết |
| | | | 2. Thủ thuật cơ bản và tiểu phẫu da (Thông báo số 1865/TB-BVDL ngày 19 tháng 9 năm 2025) | Bác sĩ y khoa có giấy phép hành nghề | 448 tiết |
| 16 | Bệnh viện Ung Bướu | Số 12 đường 400, phường Tăng Nhơn Phú, TP. HCM | 1. Phẫu thuật nội soi cắt tuyến giáp qua ngã miệng (Thông báo số 8304/TB-BVUB ngày 09 tháng 10 năm 2025) | Bác sĩ y khoa đã có GPHN chuyên khoa Ngoại tổng quát; Ngoại lồng ngực; Ngoại đầu cổ, Ung bướu, Tai Mũi Họng. | 320 tiết |

| TT | Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Địa chỉ | Tên chương trình | Đối tượng | Thời lượng |
|-----------|---------------------------------------|--|--|---|-------------------|
| <i>1</i> | <i>2</i> | <i>3</i> | <i>4</i> | <i>5</i> | <i>6</i> |
| 16 | Bệnh viện Ung Bướu | Số 12 đường 400, phường Tăng Nhơn Phú, TP. HCM | 2. Chọc hút tế bào tuyến vú bằng kim nhỏ dưới hướng dẫn siêu âm (Thông báo số 8304/TB-BVUB ngày 09 tháng 10 năm 2025) | Bác sĩ y khoa đã có GPHN chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh hoặc Bác sĩ có chứng chỉ siêu âm TQ | 240 tiết |
| | | | 3. Kiểm soát nhiễm khuẩn cơ bản dành cho nhân viên y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có người bệnh nội trú (Thông báo số 8304/TB-BVUB ngày 09 tháng 10 năm 2025) | Nhân viên y tế đang công tác trong lĩnh vực Kiểm soát nhiễm khuẩn tại các cơ sở y tế; thành viên Hội đồng kiểm soát nhiễm khuẩn và mạng lưới KSNK; Người có trình độ chuyên môn thuộc khối ngành KHSK quan tâm đến công tác kiểm soát nhiễm khuẩn | 40 tiết |

| TT | Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Địa chỉ | Tên chương trình | Đối tượng | Thời lượng |
|-----------|---------------------------------------|--|---|--|-------------------|
| <i>1</i> | <i>2</i> | <i>3</i> | <i>4</i> | <i>5</i> | <i>6</i> |
| 16 | Bệnh viện Ung Bướu | Số 12 đường 400, phường Tăng Nhơn Phú, TP. HCM | 4. Đọc kết quả cộng hưởng từ bệnh lý ung bướu (Thông báo số 8304/TB-BVUB ngày 09 tháng 10 năm 2025) | Bác sĩ y khoa đã có GPHN chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh | 960 tiết |
| | | | 5. Chọc hút tế bào mô mềm bằng kim nhỏ dưới hướng dẫn siêu âm (Thông báo số 8304/TB-BVUB ngày 09 tháng 10 năm 2025) | Bác sĩ y khoa đã có GPHN chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh hoặc Bác sĩ có chứng chỉ siêu âm TQ | 240 tiết |
| | | | 6. Kỹ thuật sinh thiết tổn thương vú có hỗ trợ của hút chân không dưới hướng dẫn siêu âm (VABB) (Thông báo số 8304/TB-BVUB ngày 09 tháng 10 năm 2025) | Bác sĩ chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh hay phẫu thuật viên tuyến vú đã có CCHN/GPHN | 80 tiết |
| | | | 7. Phẫu thuật đoạn nhũ và nạo hạch nách (Thông báo số 8304/TB-BVUB ngày 09 tháng 10 năm 2025) | Bác sĩ chuyên khoa Ung Bướu hoặc Ngoại TQ đang công tác tại các đơn vị, có chuyên khoa Ung bướu trên cả nước | 300 tiết |

| TT | Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Địa chỉ | Tên chương trình | Đối tượng | Thời lượng |
|-----------|---------------------------------------|--|---|---|-------------------|
| <i>1</i> | <i>2</i> | <i>3</i> | <i>4</i> | <i>5</i> | <i>6</i> |
| 16 | Bệnh viện Ung Bướu | Số 12 đường 400, phường Tăng Nhơn Phú, TP. HCM | 8. Điều dưỡng thực hành về chăm sóc giảm nhẹ cho người bệnh ung thư (Thông báo số 8304/TB-BVUB ngày 09 tháng 10 năm 2025) | Điều dưỡng trình độ cao đăng trở lên | 160 tiết |
| | | | 9. Chẩn đoán hình ảnh X quang tuyến vú (Thông báo số 8304/TB-BVUB ngày 09 tháng 10 năm 2025) | Bác sĩ chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh hoặc bác sĩ đa khoa có chứng chỉ bồi dưỡng chuyên khoa CDHA | 480 tiết |
| | | | 10. Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ tuyến vú (Thông báo số 8304/TB-BVUB ngày 09 tháng 10 năm 2025) | Kỹ thuật y chẩn đoán hình ảnh | 480 tiết |
| | | | 11. Chọc hút tế bào hạch bằng kim nhỏ dưới hướng dẫn siêu âm (Thông báo số 8304/TB-BVUB ngày 09 tháng 10 năm 2025) | Bác sĩ y khoa có CCHN chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh hoặc chứng chỉ siêu âm tổng quát | 240 tiết |

| TT | Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Địa chỉ | Tên chương trình | Đối tượng | Thời lượng |
|-----------|---------------------------------------|--|--|---|-------------------|
| <i>1</i> | <i>2</i> | <i>3</i> | <i>4</i> | <i>5</i> | <i>6</i> |
| 16 | Bệnh viện Ung Bướu | Số 12 đường 400, phường Tăng Nhơn Phú, TP. HCM | 12. Đặt buồng tiêm dưới da dưới sự hướng dẫn siêu âm (Thông báo số 8304/TB-BVUB ngày 09 tháng 10 năm 2025) | Bác sĩ chuyên khoa Ung bướu hoặc ngoại khoa có thâm niên công tác trong khoa ngoại tối thiểu 05 năm | 160 tiết |
| | | | 13. Phẫu thuật đoạn nhũ và tái tạo bằng vật cơ lưng rộng (Thông báo số 8304/TB-BVUB ngày 09 tháng 10 năm 2025) | Bác sĩ y khoa có CCHN ngoại khoa | 450 tiết |
| | | | 14. Chọc hút tế bào tuyến giáp bằng kim nhỏ dưới hướng dẫn siêu âm (Thông báo số 8304/TB-BVUB ngày 09 tháng 10 năm 2025) | Bác sĩ y khoa có CCHN chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh hoặc chứng chỉ siêu âm tổng quát | 240 tiết |
| | | | 15. Kỹ thuật chụp X quang tuyến vú (Thông báo số 8304/TB-BVUB ngày 09 tháng 10 năm 2025) | Kỹ thuật y chẩn đoán hình ảnh | 480 tiết |
| | | | 16. Phẫu thuật ung thư phụ khoa nâng cao (Thông báo số 9875/TB-BVUB ngày 14 tháng 11 năm 2025) | Bác sĩ đã có chứng chỉ phẫu thuật ung thư phụ khoa cơ bản | 400 tiết |

| TT | Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Địa chỉ | Tên chương trình | Đối tượng | Thời lượng |
|-----------|---------------------------------------|--|--|---|-------------------|
| <i>1</i> | <i>2</i> | <i>3</i> | <i>4</i> | <i>5</i> | <i>6</i> |
| 16 | Bệnh viện Ung Bướu | Số 12 đường 400, phường Tăng Nhơn Phú, TP. HCM | 17. Dinh dưỡng lâm sàng trong phòng ngừa và điều trị ung thư (Thông báo số 9875/TB-BVUB ngày 14 tháng 11 năm 2025) | Nhân viên y tế tại các cơ sở y tế có nhu cầu cập nhật và nâng cao kiến thức, kỹ năng về dinh dưỡng lâm sàng cho bệnh nhân ung thư | 320 tiết |
| | | | 18. Phẫu thuật ung thư phụ khoa cơ bản (Thông báo số 9875/TB-BVUB ngày 14 tháng 11 năm 2025) | Bác sĩ đa khoa được cấp GPHN Ngoại tổng quát; Sản phụ khoa; Ung thư và đang là phẫu thuật viên có trên 2 năm công tác | 300 tiết |
| | | | 19. Phẫu thuật cắt tử cung tận gốc trong điều trị ung thư phụ khoa (Thông báo số 9875/TB-BVUB ngày 14 tháng 11 năm 2025) | Bác sĩ có GPHN chuyên ngành Ung thư; Ngoại tổng quát; Sản phụ khoa và đang là phẫu thuật viên có trên 02 năm công tác | 300 tiết |

| TT | Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Địa chỉ | Tên chương trình | Đối tượng | Thời lượng |
|-----------|---------------------------------------|--|---|---|-------------------|
| <i>1</i> | <i>2</i> | <i>3</i> | <i>4</i> | <i>5</i> | <i>6</i> |
| 16 | Bệnh viện Ung Bướu | Số 12 đường 400, phường Tăng Nhơn Phú, TP. HCM | 20. Sinh thiết tuyến giáp bằng lõi kim dưới hướng dẫn siêu âm 21. Sinh thiết tuyến vú bằng lõi kim dưới hướng dẫn siêu âm 22. Sinh thiết hạch bằng lõi kim dưới hướng dẫn siêu âm 23. Sinh thiết phần mềm bằng lõi kim dưới hướng dẫn siêu âm (Thông báo số 9875/TB-BVUB ngày 14 tháng 11 năm 2025) | Bác sĩ y khoa có GPHN Chẩn đoán hình ảnh hoặc có chứng chỉ Siêu âm tổng quát | 300 tiết |
| | | | 24. Điều dưỡng thực hành chuyên khoa Ung thư (Thông báo số 9875/TB-BVUB ngày 14 tháng 11 năm 2025) | Điều dưỡng đa khoa có GPHN | 960 tiết |
| | | | 25. Siêu âm hạch bạch huyết 26. Siêu âm tuyến giáp 27. Siêu âm tuyến vú. 28. Siêu âm phần mềm (Thông báo số 554/TB-BVUB ngày 16 tháng 01 năm 2026) | Bác sĩ đa khoa, Bác sĩ chẩn đoán hình ảnh có CCHN chẩn đoán hình ảnh hoặc chứng chỉ siêu âm TQ. | 120 tiết |
| | | | 29. Kỹ thuật chẩn đoán và Điều trị ứng dụng Y học hạt nhân (Thông báo số 554/TB-BVUB ngày 16 tháng 01 năm 2026) | Bác sĩ đa khoa công tác trong lĩnh vực Ung bướu hoặc Y học hạt nhân | 1.440 tiết |

| TT | Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Địa chỉ | Tên chương trình | Đối tượng | Thời lượng |
|-----------|---------------------------------------|--|--|--|-------------------|
| <i>1</i> | <i>2</i> | <i>3</i> | <i>4</i> | <i>5</i> | <i>6</i> |
| 16 | Bệnh viện Ung Bướu | Số 12 đường 400, phường Tăng Nhơn Phú, TP. HCM | 30. Thực hành Xét nghiệm miễn dịch truyền máu cơ bản (Thông báo số 554/TB-BVUB ngày 16 tháng 01 năm 2026) | Nhân viên y tế đang công tác trong lĩnh vực ngân hàng máu, xét nghiệm | 32 tiết |
| | | | 31. Kỹ thuật lập kế hoạch xạ trị ngoài (Thông báo số 554/TB-BVUB ngày 16 tháng 01 năm 2026) | Kỹ sư tốt nghiệp chuyên ngành Vật lý hạt nhân hoặc vật lý y khoa | 320 tiết |
| | | | 32. Bác sĩ thực hành về chăm sóc giảm nhẹ cho bệnh nhân ung thư (Thông báo số 554/TB-BVUB ngày 16 tháng 01 năm 2026) | Bác sĩ đang công tác tại các cơ sở y tế có nhu cầu bổ sung và nâng cao kiến thức và kỹ năng về chăm sóc giảm nhẹ | 160 tiết |
| | | | 33. An toàn bức xạ trong y tế (Thông báo số 554/TB-BVUB ngày 16 tháng 01 năm 2026) | Kỹ sư tốt nghiệp chuyên ngành Vật lý hạt nhân hoặc vật lý y khoa | 160 tiết |

| TT | Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Địa chỉ | Tên chương trình | Đối tượng | Thời lượng |
|-----------|---------------------------------------|--|--|---|-------------------|
| <i>1</i> | <i>2</i> | <i>3</i> | <i>4</i> | <i>5</i> | <i>6</i> |
| 16 | Bệnh viện Ung Bướu | Số 12 đường 400, phường Tăng Nhơn Phú, TP. HCM | 34. Kỹ thuật sinh thiết gan, phổi bằng lõi kim dưới hướng dẫn siêu âm (Thông báo số 554/TB-BVUB ngày 16 tháng 01 năm 2026) | Bác sĩ đa khoa hoặc bác sĩ chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh có GPHN và thời gian thực hành siêu âm từ 5 năm trở lên | 200 tiết |
| | | | 35. Kỹ thuật đảm bảo chất lượng máy gia tốc xạ trị 36. Xây dựng Quy trình kiểm tra chấp nhận và Quy trình kỹ thuật đo đặc dữ liệu (Thông báo số 554/TB-BVUB ngày 16 tháng 01 năm 2026) | Kỹ sư chuyên ngành Vật lý hạt nhân hoặc vật lý y khoa; kỹ thuật viên xạ trị; kỹ thuật viên phóng xạ công tác tại các cơ sở y tế | 160 tiết |
| | | | 37. Kỹ thuật xạ trị áp sát (Thông báo số 554/TB-BVUB ngày 16 tháng 01 năm 2026) | | 320 tiết |
| | | | 38. Kỹ thuật đồ khuôn chì trong xạ trị (Thông báo số 554/TB-BVUB ngày 16 tháng 01 năm 2026) | 45 tiết | |
| | | | 39. Thực hành An toàn sinh học cấp II tại phòng xét nghiệm (Thông báo số 554/TB-BVUB ngày 16 tháng 01 năm 2026) | Nhân viên y tế làm việc tại cơ sở xét nghiệm, có GPHN | 24 tiết |

| TT | Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Địa chỉ | Tên chương trình | Đối tượng | Thời lượng |
|-----------|---------------------------------------|---|---|---|-------------------|
| <i>1</i> | <i>2</i> | <i>3</i> | <i>4</i> | <i>5</i> | <i>6</i> |
| 17 | Bệnh viện Nhi Đồng 2 | Số 14 đường Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn, TP. HCM | 01. Nội soi phế quản cơ bản Nhi khoa (Thông báo số 2980/TB-BVNĐ2 ngày 22 tháng 12 năm 2025) | Bác sĩ y khoa có CCHN chuyên ngành Nhi; Nội TQ; Nhiễm; HSCC; Y khoa; Lao – Bệnh phổi. | 480 tiết |
| | | | 02. Hồi sức cấp cứu và chống độc Nhi khoa (Thông báo số 83/TB-BVNĐ2 ngày 13 tháng 01 năm 2026) | Bác sĩ y khoa có CCHN chuyên ngành Nhi; Nội TQ; HSCC; Y khoa Ngoại Nhi. | 960 tiết |
| | | | 03. Nội soi tiêu hóa trên Nhi khoa: Chẩn đoán và can thiệp cơ bản (Thông báo số 260/TB-BVNĐ2 ngày 03 tháng 02 năm 2026) | Bác sĩ y khoa có CCHN chuyên ngành Nhi, Nội khoa, Y khoa | 960 tiết |
| 18 | Bệnh viện Truyền máu Huyết học | Số 01 Trần Hữu Nghiệp, Ấp 1, xã Tân Nhựt, Thành phố Hồ Chí Minh | 01. Ghép tế bào gốc tạo máu (Thông báo số 1057/BV.TMHH.ĐT&NCKH ngày 21 tháng 04 năm 2026) | Bác sĩ đa khoa có phạm vi hành nghề Nhi khoa, Ung bướu và Huyết học truyền máu | 960 tiết |

1. Danh sách giảng viên cơ hữu, giảng viên thỉnh giảng và số lượng học viên của mỗi chương trình theo hồ sơ cơ sở thông báo

2. Trách nhiệm cơ sở đào tạo chứng chỉ kỹ thuật chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh:

- Cơ sở tiếp nhận học viên và tổ chức hoạt động đào tạo sau khi được Sở Y tế đăng thông báo trên cổng thông tin điện tử của Sở Y tế. Trường hợp cơ sở tổ chức thực hiện không đúng quy định, không đúng nội dung trong hồ sơ thông báo, Sở Y tế tiến hành hủy thông báo và không công nhận kết quả đào tạo;

- Nếu có sự thay đổi nội dung so với hồ sơ thông báo thì cơ sở gửi hồ sơ về Sở Y tế để tiến hành thông báo lại;

- Cơ sở hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng chứng chỉ đào tạo kỹ thuật chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh do cơ sở thực hiện.

Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh trân trọng thông báo đến quý cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan được biết./.